

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày 03/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thư; bà Nguyễn Thị Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên: Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân D, sinh ngày 23/01/2000, tại **xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; nơi cư trú: **Thôn C B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1978 và bà **Cao Thị H**, sinh năm 1978; vợ **Phạm Thị T1**, sinh năm 2000, có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/01/2020, **Nguyễn Xuân D** bị **công an huyện C** xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác.

Ngày 30/3/2020, bị **công an huyện C** xử phạt hành chính về hành vi sử dụng tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/7/2023 đến nay. tại nhà tạm giữ **Công an huyện C**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Đỗ Trung K**, sinh ngày 01/01/2004; địa chỉ: **Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Đặng Thái H1**, sinh năm 1993; địa chỉ: **Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt.

- Người làm chứng: Anh **Phạm Minh K1**, sinh năm 1997. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 23 giờ ngày 19/7/2023, **Nguyễn Xuân**

D đi bộ lang thang từ thị trấn P đi lên xã C, khi đi qua quán B “136 CLUB” thuộc tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, D nghe thấy tiếng chuông điện thoại phát ra từ trong cốp của một xe mô tô dựng ở ngoài cửa quán, quan sát xung quanh không có người, D tiến lại gần chiếc xe mô tô, dùng tay trái nhấn yên xe, tay phải luồn qua yên xe lấy được 01 chiếc điện thoại di nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh bỏ vào túi quần rồi đi bộ về nhà. Đến ngày 20/7/2023 bị cáo đi đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh Đặng Thái H1 để bán chiếc điện thoại được số tiền 3.000.000đ, và đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KL/HĐĐGTS ngày 21/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản tài sản huyện C kết luận: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, đã qua sử dụng có giá sử dụng theo giá thị trường tại thời điểm chiếm đoạt có giá là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax, màu xanh là của anh Đỗ Trung K, đã trả lại cho anh K.

Đối với anh Đặng Thái H1 là người mua chiếc điện thoại của Nguyễn Xuân D, do anh H1 không biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Bản Cáo trạng số 42/CT-VKSCT ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Khoản 2 Điều 135, Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 –NQ 326/2016/UBTVQH14. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân D từ 06 tháng – 09 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 589 Bộ Luật Dân sự buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho anh Đặng Thái H1 số tiền 3.000.000 đồng; bồi thường cho anh K tiền sửa điện thoại (chạy lại phần mềm và tiền mua sim mới) số tiền 700.000đ; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của Bản cáo trạng và nhất trí bồi thường cho anh K và anh H1.

Người bị hại: Anh Đỗ Trung K đã nhận lại chiếc điện thoại, nhưng anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 700.000đ chi phí chạy lại phần mềm và mua sim mới.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Anh Đặng Thái H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân D trả lại số tiền 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ, ngày 19/7/2023, Nguyễn Xuân D đã lợi dụng quán B-a tại tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện C không có người trông giữ xe máy, Nguyễn Xuân D đã dùng tay nâng yên xe để trộm 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax, màu xanh của anh Đỗ Trung K trị giá 6.500.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất của vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Lẽ ra, bị cáo phải biết ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, chăm chỉ lao động, tạo ra của cải vật chất một cách chính đáng để nuôi sống bản thân, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo không chịu lao động, thường đi lang thang, ăn chơi đua đòi nên đã dẫn đến hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về dân sự: Anh Đỗ Trung K đã nhận lại chiếc điện thoại, anh yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh 700.000đ tiền mua sim mới và chạy lại phần mềm điện thoại. Anh Đặng Thái H1 yêu cầu bị cáo trả lại 3.000.000 đồng tiền mua điện thoại. Xét yêu cầu của anh K, anh H1 là chính đáng nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; **Điều 48 BLHS; Điều 589 BLDS**; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật TTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Xuân D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Xuân D** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **Nguyễn Xuân D** có nghĩa vụ trả cho anh **Đặng Thái H1** số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Trả cho anh **Đỗ Trung K** số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Xuân D** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện Cẩm Thủy;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Các cơ quan hữu quan;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thanh